

Mẫu CBTT/SGDHCM-02
(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**NGÂN HÀNG TMCP
KỸ THƯƠNG VIỆT NAM**

Số: 2008-03/2021/TKKH-TCB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
 - Mã chứng khoán: TCB
 - Địa chỉ trụ sở chính: Techcombank Tower, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại: +84 (0243) 944 6368
 - Fax: +84 (0243) 944 6362
 - Người thực hiện công bố thông tin: Bà Thái Hà Linh
Chức vụ: Giám đốc Kế toán, Chính sách Tài chính và Thuế
- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 02/04/2021, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam công bố

..tài..liệu..hợp..Đại..hội..đồng..cổ..đồng..2021.....

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 02/04/2021
tại đường dẫn: <https://www.techcombank.com.vn/nha-dau-tu>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm/

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC KẾ TOÁN
CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH VÀ THUẾ
THÁI HÀ LINH**

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Techcombank)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TECHCOMBANK

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi 2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank).

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động ngân hàng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Techcombank thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) như sau:

1. Lý do và mục đích sửa đổi Điều lệ

Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 116/2020/TT-BTC đã có hiệu lực thi hành. Các quy định mới của luật, nghị định và thông tư sẽ có tác động cơ bản, ảnh hưởng sâu rộng tới cơ chế quản trị, điều hành của Techcombank. Do vậy, Techcombank cần sửa đổi, bổ sung Điều lệ để phù hợp với quy định của pháp luật và tháo gỡ vướng mắc trong quá trình vận hành.

2. Nội dung sửa đổi chi tiết

Các điểm sửa đổi, bổ sung được nêu chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

Đây là một số nội dung các sửa đổi cơ bản của Dự thảo Điều lệ trên cơ sở mục đích và lý do đã đề cập và kèm theo là Dự thảo Điều lệ chi tiết, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sửa đổi nêu trên để gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và thông báo cho cổ đông trên trang website của Techcombank.

3. Hiệu lực của Điều lệ sửa đổi

Các nội dung sửa đổi bổ sung để phù hợp với thực tế vận hành có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ sửa đổi.

Kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VPHĐQT, CVPL.



PHỤ LỤC: NỘI DUNG ĐIỀU LỆ DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Đính kèm theo Tờ trình số 0245/HĐQT-TCB ngày 02/4/2021 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Techcombank)

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
1.	<p>Điểm e Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Điều 1: Định nghĩa e. <u>“Vốn điều lệ”</u>: là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ này.</p>	<p>Điểm e Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Điều 1: Định nghĩa e. <u>“Vốn điều lệ”</u>: là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Techcombank và được ghi vào Điều lệ này.</p>	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 34, Điều 4 Luật Doanh Nghiệp 2020 (Luật DN 2020) và Điều Lệ Mẫu tại thông tư 116/2020/TT-BTC.
2.	<p>Điểm g Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Điều 1: Định nghĩa g. <u>“Cổ tức”</u>: là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Techcombank sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.</p>	<p>Điểm g Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Điều 1: Định nghĩa g. <u>“Cổ tức”</u>: là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.</p>	Điều chỉnh theo Khoản 5, Điều 4 Luật DN 2020
3.	Điều lệ hiện hành chưa định nghĩa các khái niệm “Địa chỉ liên lạc”, “Giấy tờ pháp lý của cá nhân”, “Giấy tờ pháp lý của tổ chức”, “Người nội bộ” và “Người có quan hệ gia đình”.	<p>Bổ sung các định nghĩa về “Địa chỉ liên lạc”, “Giấy tờ pháp lý của cá nhân”, “Giấy tờ pháp lý của tổ chức”, “Người nội bộ” và “Người có quan hệ gia đình” vào Khoản 1 Điều lệ như sau: Điều 1: Định nghĩa 1. Trong Điều lệ này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p>	Bổ sung cho mục đích sử dụng các khái niệm này trong Điều lệ, phù hợp với quy định tại Khoản 13, khoản 16, khoản 17, khoản 22, Điều 4 Luật DN 2020 và Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán.

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
		<p><u>k. “Địa chỉ liên lạc” là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Techcombank để làm địa chỉ liên lạc.</u></p> <p><u>l. “Giấy tờ pháp lý của cá nhân” là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.</u></p> <p><u>m. “Giấy tờ pháp lý của tổ chức” là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.</u></p> <p>.....</p> <p><u>t. “Người nội bộ”: được định nghĩa theo Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán.</u></p> <p><u>u. “Người có quan hệ gia đình”: được định nghĩa theo Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	
4.	<p>Điểm m, p và s Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Điều 1: Định nghĩa</p> <p>.....</p> <p><u>m. “Sổ đăng ký cổ đông” là tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Điểm p, s, x Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Điều 1: Định nghĩa</p> <p>.....</p> <p><u>p. “Sổ đăng ký cổ đông” là tài liệu bằng văn bản giấy, tệp dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Khoản 1 Điều 122 Luật DN 2020.</p> <p>Điều chỉnh định nghĩa về người có liên quan để phù hợp với các quy định của</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>.....</p> <p><i>p. “Người có liên quan” được định nghĩa theo khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng <u>trừ trường hợp liên quan đến vấn đề công bố thông tin người có liên quan được xác định theo Luật Chứng khoán.</u></i></p> <p>.....</p> <p><i>s. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập”: là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện <u>theo quy định tại Khoản 4 Điều 29 của Điều lệ này.</u></i></p>	<p><i>Doanh nghiệp.</i></p> <p>.....</p> <p><i>s. “Người có liên quan”: được định nghĩa theo khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng <u>cho các vấn đề về tổ chức, hoạt động của Techcombank mà được quy định bởi pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc công bố thông tin và các vấn đề khác mà pháp luật về các tổ chức tín dụng không quy định, người có liên quan được xác định tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.</u></i></p> <p>.....</p> <p><i>x. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập”: là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện <u>theo quy định tại Khoản 5 Điều 29 của Điều lệ này.</u></i></p>	<p>Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán liên quan đến các vấn đề mà Luật các Tổ chức tín dụng (Luật các TCTD) không quy định.</p> <p>Điều chỉnh việc đánh số thứ tự tương ứng trong điều khoản.</p>
5.	<p>Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 3 Điều lệ</p> <p><i>1. <u>Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Techcombank.</u></i></p> <p><i>2. Người đại diện theo pháp luật của Techcombank có toàn quyền đại diện cho Techcombank thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Techcombank, đại diện cho Techcombank với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp</i></p>	<p>Khoản 1, Khoản 2, Khoản Điều 3 Điều lệ</p> <p><i>1. <u>Techcombank có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</u></i></p> <p><i>2. Người đại diện theo pháp luật của Techcombank có toàn quyền đại diện cho Techcombank thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Techcombank, đại diện cho Techcombank với tư cách <u>người yêu cầu giải quyết việc dân sự,</u> nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và</i></p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 1 Điều 12, điểm g) khoản 2 Điều 24 Luật DN 2020 và Luật các TCTD.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>luật.</p> <p>3. Người đại diện theo pháp luật của Techcombank là đại diện Techcombank (đại diện chủ tài khoản) <u>đối với các Tài khoản Nostro, tài khoản Vostro, tài khoản thanh toán, tài khoản khác của Techcombank.</u></p>	<p>nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Người đại diện theo pháp luật của Techcombank là đại diện Techcombank (đại diện chủ tài khoản) <u>đối với các Tài khoản Nostro, tài khoản thanh toán, tài khoản khác của Techcombank.</u></p>	
6.	<p>Khoản 1 Điều 5</p> <p>1. Techcombank được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động, <u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u> và đăng ký thuế và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp phù hợp để đạt được các mục tiêu của Techcombank.</p>	<p>Khoản 1 Điều 5</p> <p>1. Techcombank được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động, <u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u> và đăng ký thuế và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp phù hợp để đạt được các mục tiêu của Techcombank.</p> <p>Đồng thời, thuật ngữ “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” cũng sẽ được điều chỉnh thành “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” trong toàn văn Điều lệ.</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 15 Điều 4 Luật DN 2020.</p>
7.	<p>Khoản 3 Điều 6 Điều lệ</p> <p>3. Vay vốn của các <u>tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế, tài chính</u> trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;</p>	<p>Khoản 3 Điều 6 Điều lệ</p> <p>3. Vay vốn của các <u>tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính</u> và <u>tổ chức khác</u> trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với Điều 100 Luật các TCTD.</p>
8.	<p>Điều 13 Điều lệ</p> <p>1. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, Techcombank được kinh doanh,</p>	<p>Điều 13 Điều lệ</p> <p>1. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, Techcombank được kinh doanh,</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với quy định tại điểm (b)(i) Khoản 1 Điều 4 Thông tư</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây:</p> <p>(i). Ngoại hối;</p> <p>(ii). <u>Phái sinh về tỷ giá, lãi suất.</u></p> <p>(iii). Ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.</p> <p>2. Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của Techcombank cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p>	<p>cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây:</p> <p>(i). Ngoại hối;</p> <p>(ii). <u>Phái sinh về lãi suất;</u></p> <p>(iii). <u>Phái sinh liên quan đến ngoại hối theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;</u></p> <p>(iv). Ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.</p> <p>2. Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của Techcombank cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p> <p>3. <u>Trên cơ sở giấy phép của Ngân hàng nhà nước, Techcombank được cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa theo quy định pháp luật.</u></p>	<p>21/2014/TT-NHNN (được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Thông tư 28/2016/TT-NHNN) và nội dung tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng.</p> <p>(<u>Trên cơ sở ý kiến của Cục thanh tra, giám sát Ngân hàng II và Khối Ngân hàng Giao dịch toàn cầu - Techcombank</u>)</p>
9.	<p>Khoản 1 Điều 18 Điều lệ</p> <p>1. <u>Vốn điều lệ của Techcombank là: 35.001.399.620.000 đồng (Ba mươi lăm nghìn, không trăm lẻ một tỷ ba trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).</u></p>	<p>Khoản 1 Điều 18 Điều lệ</p> <p>1. <u>Vốn điều lệ của Techcombank là: 35.049.062.300.000 đồng (Ba mươi lăm nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ không trăm sáu mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng).</u></p>	<p>Điều chỉnh theo Quyết định số 282/QĐ-NHNN ngày 09/03/2021 của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi nội dung về vốn Điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Techcombank.</p>
10.	<p>Điều lệ hiện hành chưa quy định về việc phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký tại</p>	<p>Bổ sung điểm g) Khoản 1 Điều 19 Điều lệ</p> <p>1. <u>Các hình thức tăng vốn điều lệ của Techcombank:</u></p>	<p>Bổ sung hình thức phát hành cổ phiếu mới làm cơ</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	nước ngoài. <u>g. Phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài.</u>	sở chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài theo Điều 73, 74 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
11.	<p>Điều 20 Điều lệ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Một cổ phần của Techcombank có mệnh giá là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng). 2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của Techcombank là cổ phần phổ thông; tất cả các cổ đông của Techcombank là cổ đông phổ thông. 3. Techcombank có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật. 4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. 5. Việc mua, bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sẽ theo các quy định của pháp luật liên quan về chứng khoán. 	<p>Điều 20 Điều lệ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Một cổ phần của Techcombank có mệnh giá là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng). 2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của Techcombank là cổ phần phổ thông; tất cả các cổ đông của Techcombank là cổ đông phổ thông. 3. Techcombank có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi hoặc <u>cổ phần ưu đãi kèm chứng quyền</u> khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật. 4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. 5. Việc mua, bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sẽ theo các quy định của pháp luật liên quan về chứng khoán. 6. <u>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mỗi cổ đông trong Techcombank, trừ trường hợp Đại hội đồng</u> 	<p>Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 46, Điều 64, Điều 65 Nghị định 155/2020/NĐ-CP để phù hợp với trường hợp phát hành cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền và trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.</p> <p><u>Khoản 6 Điều 20 Điều lệ được bổ sung theo đề nghị của Khối quản trị nguồn nhân lực, trên cơ sở tư vấn của Hãng Luật YKVN, cụ thể:</u></p> <p><u>Theo quy định pháp luật và Điều Lệ thì cổ đông hiện hữu có quyền ưu tiên mua đối với cổ phiếu phát hành mới trừ khi cổ đông từ bỏ quyền ưu tiên mua</u></p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
		<u>cổ đông quyết định khác.</u>	cổ phần của mình. Vì vậy, nhằm mục đích tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và thông lệ trên thị trường cũng như đơn giản hóa thủ tục trong quá trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, cần bổ sung thêm nội dung như đề xuất.
12.	<p>Điều 22 Điều lệ</p> <p><i>Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, tỷ lệ sở hữu cổ phần cụ thể tại Techcombank như sau:</i></p> <p>1. Một cổ đông cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của Techcombank.</p> <p>2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của Techcombank, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Sở hữu cổ phần tại Techcombank khi Techcombank được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>b. Sở hữu cổ phần của <u>Techcombank</u> tại công ty</p>	<p>Điều 22 Điều lệ</p> <p><i>Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, tỷ lệ sở hữu cổ phần cụ thể tại Techcombank như sau:</i></p> <p>1. Một cổ đông cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của Techcombank.</p> <p>2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của Techcombank, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Sở hữu cổ phần tại Techcombank khi Techcombank được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>b. Sở hữu cổ phần của <u>tổ chức tín dụng</u> tại công ty</p>	<p>- Điều chỉnh b Khoản 2 để phù hợp với điểm a Khoản 2 Điều 55 Luật các TCTD.</p> <p>- Bổ sung Khoản 5 để phù hợp với quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p><u>Điểm e Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định: trường hợp công</u></p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><i>con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103, khoản 3 Điều 110 Luật Các tổ chức tín dụng;</i></p> <p>c. <i>Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Các tổ chức tín dụng.</i></p> <p>3. <i>Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% vốn điều lệ của Techcombank, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của Techcombank và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.</i></p> <p>4. <i>Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.</i></p>	<p><i>con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103, khoản 3 Điều 110 Luật Các tổ chức tín dụng;</i></p> <p>c. <i>Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Các tổ chức tín dụng.</i></p> <p>3. <i>Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% vốn điều lệ của Techcombank, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của Techcombank và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.</i></p> <p>4. <i>Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.</i></p> <p><u>5. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Techcombank là 22,4908 %.</u></p>	<p><u>ty đại chúng muốn ấn định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ tối đa theo quy định pháp luật thì tỷ lệ cụ thể phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại Điều lệ Công ty. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa mà Techcombank đang áp dụng là 22,4908 %.</u></p>
13.	<p>Khoản 1 Điều 23 Điều lệ</p> <p>1. <i>Techcombank có thể tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ theo một trong các hình thức sau đây:</i></p> <p>a. <i>Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;</i></p>	<p>Khoản 1 Điều 23 Điều lệ</p> <p>1. <u>Techcombank có thể tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ theo các hình thức sau đây:</u></p> <p>a. <u>Chào bán cổ phần ra công chúng;</u></p>	<p>Điều chỉnh theo Điều 123 Luật DN 2020 và Điều 10 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p><u>Việc phát hành quyền</u></p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>b. Chào bán ra công chúng;</p> <p>c. Chào bán cổ phần riêng lẻ;</p> <p>d. Các hình thức chào bán, phát hành cổ phần khác và cho các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>b. Chào bán cổ phần riêng lẻ;</p> <p>c. Các hình thức chào bán, phát hành cổ phần khác và cho các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p><u>mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu thuộc hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng.</u></p>
14.	<p>Điều 24: Tặng thưởng/Bán/phân phối, thu hồi/mua lại cổ phần và các loại chứng khoán khác theo chương trình lựa chọn dành cho Cán bộ nhân viên, người lao động và người làm việc tại Techcombank</p> <p>1. Techcombank có quyền áp dụng tặng thưởng/bán/phân phối cổ phần và các loại chứng khoán khác do Techcombank bán, phát hành theo chương trình lựa chọn dành cho Cán bộ nhân viên, người lao động, người làm việc tại Techcombank và do Techcombank thu hút từ bên ngoài. Các loại chứng khoán, các tiêu chuẩn, điều kiện được tặng thưởng cổ phần/bán/phân phối cổ phần và các loại chứng khoán khác do Techcombank bán, phát hành sẽ thực hiện theo quy định do Hội đồng quản trị ban hành.</p> <p>.....</p> <p>3. Việc tặng thưởng/bán/phân phối, thu hồi/mua lại cổ phần và các loại chứng khoán khác do Techcombank phát hành đối với Cán bộ nhân viên,</p>	<p>Điều 24: <u>Phát hành/tặng thưởng/Bán/phân phối, thu hồi/mua lại cổ phần và các loại chứng khoán khác theo chương trình lựa chọn dành cho Cán bộ nhân viên, người lao động và người làm việc tại Techcombank</u></p> <p>1. Techcombank có quyền áp dụng <u>phát hành/tặng thưởng/bán/phân phối cổ phần và các loại chứng khoán khác do Techcombank bán, phát hành theo chương trình lựa chọn dành cho Cán bộ nhân viên, người lao động, người làm việc tại Techcombank và do Techcombank thu hút từ bên ngoài. Các loại chứng khoán, các tiêu chuẩn, điều kiện được tặng thưởng cổ phần/bán/phân phối cổ phần và các loại chứng khoán khác do Techcombank bán, phát hành sẽ thực hiện theo quy định do Hội đồng quản trị ban hành.</u></p> <p>.....</p> <p>3. Việc <u>phát hành/tặng thưởng/bán/phân phối, thu hồi/mua lại cổ phần và các loại chứng khoán khác do Techcombank phát hành đối với cán bộ nhân viên,</u></p>	<p>Bổ sung việc phát hành cổ phần theo quy định tại Điều 64 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>người lao động và người làm việc tại Techcombank thực hiện theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Techcombank.</p>	<p>người lao động và người làm việc tại Techcombank thực hiện theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Techcombank.</p>	
15.	<p>Điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 26</p> <p>a. Mua lại cổ phần, cổ phiếu theo yêu cầu của Techcombank:</p> <p>Techcombank có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại <u>đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng</u>. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quyết định mua lại cổ phần của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm những nội dung được xác định như sau: Số lượng cổ phần hoặc tỷ lệ cổ phần sẽ mua lại; Nguồn vốn dùng mua lại cổ phần; cách thức mua lại cổ phần; giá mua lại cổ phần hoặc nguyên tắc xác định giá mua lại cổ phần; quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông; các vấn đề khác phù hợp quy định của pháp luật.</p> <p>b. Mua lại cổ phần, cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông:</p> <p>(i) <u>Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ</u></p>	<p>Điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 26</p> <p>a. Mua lại cổ phần, cổ phiếu theo yêu cầu của Techcombank:</p> <p>Techcombank có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại <u>đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng</u>. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quyết định mua lại cổ phần của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm những nội dung được xác định như sau: Số lượng cổ phần hoặc tỷ lệ cổ phần sẽ mua lại; Nguồn vốn dùng mua lại cổ phần; cách thức mua lại cổ phần; giá mua lại cổ phần hoặc nguyên tắc xác định giá mua lại cổ phần; quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông; các vấn đề khác phù hợp quy định của pháp luật.</p> <p>b. Mua lại cổ phần, cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông:</p> <p>(i) <u>Cổ đông đã biểu quyết không thông qua quyết định</u></p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 132, khoản 1 Điều 133 Luật DN 2020.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>chức lại Techcombank hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại bản Điều lệ này có quyền yêu cầu Techcombank mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Techcombank mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Trụ sở chính của Techcombank trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.</p> <p>(ii) Techcombank phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 nêu trên trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu với mức giá do hai bên thỏa thuận. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác, hoặc các bên có thể yêu cầu <u>một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá</u>. Techcombank sẽ giới thiệu ít nhất ba <u>tổ chức định giá chuyên nghiệp</u> để cổ đông lựa chọn một trong số ba tổ chức đó và lựa chọn này là quyết định cuối cùng.</p>	<p>về việc tổ chức lại Techcombank hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại bản Điều lệ này có quyền yêu cầu Techcombank mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Techcombank mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Trụ sở chính của Techcombank trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.</p> <p>(ii) Techcombank phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 nêu trên trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu với mức giá do hai bên thỏa thuận. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác, hoặc các bên có thể yêu cầu <u>một tổ chức thẩm định giá định giá</u>. Techcombank sẽ giới thiệu ít nhất ba <u>tổ chức thẩm định giá</u> để cổ đông lựa chọn một trong số ba tổ chức đó và lựa chọn này là quyết định cuối cùng.</p>	
16.	<p>Điều 27 Điều lệ</p> <p>Ngoài việc tuân thủ <u>theo các quy định tại Điều 127 Luật Doanh nghiệp, việc phát hành trái phiếu chuyển đổi</u> và các loại trái phiếu khác của Techcombank</p>	<p>Điều 27 Điều lệ</p> <p>Ngoài việc tuân thủ <u>theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền</u> và các loại trái phiếu</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với Khoản 1 Điều 128 Luật DN 2020, Khoản 9 Điều 3, Khoản 1 Điều 21,</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><i>phải đảm bảo các quy định sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác có liên quan;</i> 2. <i>Đối với trái phiếu chuyển đổi:</i> <ol style="list-style-type: none"> a. <i>Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu do Techcombank phát hành và có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Tecombank theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành;</i> b. <i>Phương án Techcombank phát hành trái phiếu chuyển đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản;</i> c. <i>Hội Đồng Quản Trị Techcombank quy định cụ thể về phương thức phát hành, thời điểm phát hành, thời hạn chuyển đổi trái phiếu, tỷ lệ hoặc nguyên tắc chuyển đổi trái phiếu, biên độ biến động giá cổ phiếu, mục đích sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi, các quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật;</i> d. <i>Thủ tục, hồ sơ xin phát hành trái phiếu chuyển đổi được thực hiện theo quy định của</i> 	<p><i>khác của Techcombank phải đảm bảo các quy định sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật khác có liên quan;</i> 2. <i>Đối với trái phiếu chuyển đổi, <u>trái phiếu kèm chứng quyền:</u></i> <ol style="list-style-type: none"> a. <i>Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu do Techcombank phát hành và có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Tecombank theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành;</i> b. <i><u>Trái phiếu kèm chứng quyền là loại trái phiếu được Techcombank phát hành kèm theo chứng quyền, cho phép người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông của Techcombank theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.</u></i> c. <i>Phương án Techcombank phát hành trái phiếu chuyển đổi, <u>trái phiếu kèm chứng quyền</u> phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản;</i> d. <i>Hội Đồng Quản Trị Techcombank quy định</i> 	<p>Khoản 2 Điều 22 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 13 Nghị định 153/2020/NĐ-CP</p>

<p>TT</p>	<p>Nội dung Điều lệ hiện hành</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Điều lệ này;</p> <p>2. Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>3. Có bằng đại học trở lên và có ít nhất ba (03) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất năm (05) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại có phần hoặc có ít nhất năm (05) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân</p>
<p>Lý do</p>	<p>Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan</p> <p>Thu tục, hồ sơ xin phát hành trái phiếu chuyên đổi, trái phiếu kèm chứng quyền được thực hiện theo quy định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan.</p> <p>e.</p>	<p>Điều 29 Điều lệ</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 Điều lệ này;</p> <p>2. Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>3. Có bằng đại học trở lên và có ít nhất ba (03) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất năm (05) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại có phần hoặc có ít nhất năm (05) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân</p>
<p>Lý do</p>	<p>Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung</p>	<p>Điều chỉnh trên cơ sở đề nghị của Ban Kiểm soát, cụ thể:</p> <p>Điều 162 và điều 169 Luật Doanh nghiệp quy định thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của công ty đại chúng không được là người có quan hệ gia đình với thành viên Hội đồng quản trị. Do vậy, thành viên Hội đồng quản trị cũng không được là người có quan hệ gia đình với</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>4. Đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập, ngoài những tiêu chuẩn, điều kiện nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau:</p> <p>.....</p> <p>c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là <u>cổ đông lớn của tổ chức tín dụng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hoặc Công ty con của tổ chức tín dụng</u>;</p> <p>.....</p>	<p>hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>4. <u>Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát của Techcombank;</u></p> <p>5. Đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập, ngoài những tiêu chuẩn, điều kiện nêu tại <u>Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này</u>, thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau:</p> <p>.....</p> <p>c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là <u>(i) cổ đông lớn của Techcombank hoặc (ii) thành viên Hội đồng quản trị của Techcombank hoặc (iii) người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Công ty con của Techcombank;</u></p>	<p><u>thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Các điều kiện đối với thành viên độc lập cũng được điều chỉnh tương ứng để không bị trùng với các điều kiện chung của thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>Đây là điều kiện bổ sung trên cơ sở Luật Doanh nghiệp 2020. Luật các Tổ chức tín dụng không yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng điều kiện này.</u></p>
18.	<p>Điều 30 Điều lệ</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Điều lệ này; 2. Có đạo đức nghề nghiệp; 3. Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về một trong 	<p>Điều 30 Điều lệ</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Điều lệ này; 2. Có đạo đức nghề nghiệp; 3. Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về một trong 	<p>Bổ sung theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p><u>Đây là các điều kiện bổ sung trên cơ sở Luật Doanh nghiệp 2020 và</u></p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><i>các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</i></p> <p>4. <i>Không phải là người có liên quan của người quản lý Techcombank;</i></p> <p>5. <i>Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách);</i></p> <p>6. <i>Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm, không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 33, Điều 34 Điều lệ này.</i></p>	<p><i>các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</i></p> <p>4. <i>Không phải là người có liên quan, <u>người có quan hệ gia đình</u> của người quản lý Techcombank;</i></p> <p>5. <i>Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách);</i></p> <p>6. <i>Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm, không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 33, Điều 34 Điều lệ này.</i></p> <p>7. <i><u>Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Techcombank trong 03 năm liền trước đó.</u></i></p> <p>8. <i><u>Không được là người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Techcombank.</u></i></p>	<p><u>Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Luật các Tổ chức tín dụng không yêu cầu thành viên Ban Kiểm Soát phải đáp ứng các điều kiện này.</u></p>
19.	<p>Điều 31 Điều lệ <i>Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</i></p> <p>1. <i>Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Điều lệ này;</i></p> <p>....</p> <p>5. <i>Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</i></p>	<p>Điều 31 Điều lệ <i>Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</i></p> <p>1. <i>Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Điều lệ này;</i></p> <p>....</p> <p>5. <i>Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</i></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại điểm b) khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p><u>Đây là điều kiện bổ sung trên cơ sở Luật Doanh nghiệp 2020. Luật các</u></p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><i>Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm, không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 33, Điều 34 Điều lệ này.</i></p>	<p><i>Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm, không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 33, Điều 34 Điều lệ này.</i></p> <p><i>6. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Techcombank.</i></p> <p><i>7. Không được là người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Techcombank.</i></p>	<p><u>TCTD không yêu cầu Tổng Giám đốc phải đáp ứng các điều kiện này.</u></p>
20.	<p>Khoản 1 Điều 38 Điều lệ</p> <p><i>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác của Techcombank phải công khai các lợi ích liên quan của họ với Techcombank theo đúng quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan; cụ thể:</i></p> <p><i>a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, <u>Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành của Techcombank</u> phải công khai các lợi ích liên quan của họ với ngân hàng, bao gồm:</i></p>	<p>Khoản 1 Điều 38 Điều lệ</p> <p><i>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác của Techcombank phải công khai các lợi ích liên quan của họ với Techcombank theo đúng quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan; cụ thể:</i></p> <p><i>a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, <u>Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Techcombank</u> phải công khai các lợi ích liên quan của họ với ngân hàng, bao gồm:.....</i></p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 39 Luật các TCTD và Điều 164 Luật DN 2020.</p>
21.	<p>Điều 40 Điều lệ</p> <p><i>Điều 40: <u>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc</u></i></p>	<p>Điều 40 Điều lệ</p> <p><i>Điều 40: <u>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc</u></i></p>	<p>Điều chỉnh theo Điều 163 và 172 Luật DN 2020, điểm đ, Khoản 2, Điều 59 Luật các TCTD.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><i>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.</i></p>	<p><i>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 163 và 172 Luật Doanh nghiệp.</i></p>	
22.	<p>Điểm c, điểm e Khoản 1 Điều 42 Điều lệ</p> <p><i>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</i></p> <p>.....</p> <p><i>c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông tại Techcombank. Trong trường hợp này, cổ đông sẽ được gửi thông báo chào bán có nêu số cổ phần chào bán và thời gian chấp nhận mua (không dưới 15 ngày). Trường hợp cổ đông không chấp nhận mua cổ phần mới, Hội đồng quản trị được quyền chào bán số cổ phần mới đó cho những người thích hợp khác theo những điều kiện và cách thức phù hợp nhưng không được thuận lợi hơn những điều kiện trước đó đã chào cho cổ đông;</i></p> <p>.....</p> <p><i>e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác;</i></p>	<p>Điểm c, điểm e Khoản 1 Điều 42 Điều lệ</p> <p><i>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</i></p> <p>.....</p> <p><i>c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông tại Techcombank.</i></p> <p>....</p> <p><i>e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</i></p>	<p>Điều chỉnh theo điểm đ, Khoản 1, Điều 12 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
23.	<p>Khoản 2 Điều 42 Điều lệ</p> <p>2. <u>Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có thêm các quyền sau:</u></p> <p>a. <u>Đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u></p> <p>b. <u>Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;</u></p> <p>c. <u>Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</u></p> <p>d. <u>Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải lập bằng văn bản, trong đó có các nội dung gồm: họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký</u></p>	<p>Khoản 2 Điều 42 Điều lệ</p> <p>2. <u>Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</u></p> <p>a. <u>Đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u></p> <p>b. <u>Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;</u></p> <p>c. <u>Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Techcombank;</u></p> <p>d. <u>Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải lập bằng văn bản, trong đó có các nội dung gồm: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng</u></p>	<p>Điều chỉnh theo khoản 2 Điều 115 Luật DN 2020, Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Về quyền đề cử ứng viên vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:</p> <p>- Khoản 5 Điều 115 Luật DN 2020 quy định <u>cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần trở lên (hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ) có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (mà không ràng buộc về thời gian nắm giữ cổ phần).</u></p> <p>- Điều lệ hiện hành của TCB (Khoản 11 Điều</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><i>cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề kiểm tra, mục đích kiểm tra.</i></p>	<p><i>cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề kiểm tra, mục đích kiểm tra.</i></p>	<p><u>54, và Khoản 6 Điều 64) quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên trong liên tục 06 tháng có quyền đề cử ứng viên.</u></p> <p>Do vậy, đề xuất quy định thống nhất mức sở hữu 5% cổ phần cho việc thực hiện quyền đề cử, để phù hợp với Luật DN 2020.</p>
24.	<p>Khoản 3 Điều 42 Điều lệ</p> <p><i>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</i></p> <p><i>b. <u>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;</u></i></p> <p><i>c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải</i></p>	<p>Khoản 3 Điều 42 Điều lệ</p> <p><i>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.</i></p> <p><i>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là</i></p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 3, Khoản 4 Điều 115 Luật DN 2020.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><u>được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Techcombank, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</u></p>	<p><u>cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lương cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Techcombank, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</u></p>	
25.	<p>Điều lệ hiện hành chưa quy định về trách nhiệm bảo mật thông tin của cổ đông theo quy định tại Luật DN 2020</p>	<p>Bổ sung quy định về trách nhiệm bảo mật thông tin vào điểm h Khoản 1 Điều 43 Điều lệ</p> <p>1. Cổ đông của Techcombank phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</p> <p>.....</p> <p><u>h. Bảo mật các thông tin được Techcombank cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty</u></p>	<p>Bổ sung phù hợp với Khoản 5 Điều 119 Luật DN 2020</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
		<i>cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;</i>	
26.	<p>Khoản 1, khoản 2, Khoản 3 Điều 44 Điều lệ</p> <p>1. <u>Số đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Số đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Techcombank;</p> <p>b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;</p> <p>d. <u>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</u></p> <p>e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.</p> <p>2. <u>Số đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Techcombank hoặc Trung tâm đăng ký, lưu</u></p>	<p>Khoản 1, khoản 2, Khoản 3 Điều 44 Điều lệ</p> <p>1. <u>Số đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông. Số đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Techcombank;</p> <p>b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;</p> <p>d. <u>Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</u></p> <p>e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.</p> <p>2. <u>Số đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Techcombank hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ số đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Techcombank trong</u></p>	Điều chỉnh theo Điều 122 Luật DN 2020.

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><u>ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Techcombank hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.</u></p> <p>3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Techcombank để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Techcombank không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</p>	<p><u>sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của tổ chức lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.</u></p> <p>3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Techcombank để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Techcombank không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông. Techcombank phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>	
27.	<p>Khoản 3 Điều 45 Điều lệ</p> <p>3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được quy định tại điểm a, b, d, h, k, p, q khoản 1 Điều 46 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 3 Điều 45 Điều lệ</p> <p>3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được quy định tại điểm a, b, d, f, h, k, p, q khoản 1 Điều 46 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	Bổ sung phù hợp với Khoản 4 Điều 59 Luật các TCTD.
28.	<p>Khoản 1 Điều 46 Điều lệ</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>.....</p> <p>c. Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>.....</p>	<p>Khoản 1 Điều 46 Điều lệ</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>.....</p> <p>c. Phê chuẩn quy chế quản trị nội bộ; quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>.....</p>	<p>- Điểm c và điểm j: được điều chỉnh phù hợp với điểm l) Khoản 2 Điều 138 Luật DN 2020 và Khoản 1 Điều 21 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Điểm s được điều chỉnh</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><i>j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;</i></p> <p>.....</p> <p><i>s. Quyết định hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán Techcombank. Nghị quyết của Hội đồng quản trị thực hiện theo ủy quyền tại điểm này có giá trị là nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</i></p>	<p><i>j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, <u>trái phiếu kèm chứng quyền</u>;</i></p> <p>.....</p> <p><i>s. Quyết định phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán đối với Techcombank;</i></p> <p><i>t. Quyết định mức tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Techcombank vào từng thời kỳ; và</i></p>	<p>theo đề nghị của Ban Kiểm soát trên cơ sở điểm m Khoản 1 Điều 15 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>- Điểm t được bổ sung phù hợp với quy định tại điểm e) Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
29.	<p>Khoản 1 Điều 47 Điều lệ</p> <p><i>1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập họp trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không được quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i></p>	<p>Khoản 1 Điều 47 Điều lệ</p> <p><i>1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập họp trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i></p>	<p>Điều chỉnh theo khoản 2 Điều 139 Luật DN 2020</p>
30.	<p>Điểm b, điểm e Khoản 2 Điều 47 Điều lệ</p> <p><i>Đại hội đồng cổ đông họp thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</i></p> <p>.....</p> <p><i>b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường</i></p>	<p>Điểm b, điểm e Khoản 2 Điều 47 Điều lệ</p> <p><i>Đại hội đồng cổ đông họp thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</i></p> <p>.....</p> <p><i>b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.</i></p> <p>.....</p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 2 Điều 14, Điểm đ Khoản 2 Điều 15 của Điều lệ mẫu Công ty đại chúng ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><u>hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Techcombank có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Techcombank có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan;</u></p> <p>.....</p> <p>e. Báo cáo <u>đánh giá</u> kết quả hoạt động năm của Ban kiểm soát và <u>của từng thành viên của Ban Kiểm soát;</u></p>	<p>e. Báo cáo <u>tư đánh giá</u> kết quả hoạt động năm của Ban kiểm soát và <u>thành viên của Ban Kiểm soát;</u></p>	
31.	<p>Khoản 3, Khoản 4 Điều 47 Điều lệ</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Techcombank;</p> <p>b. <u>Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</u></p> <p>c. Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Techcombank trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng. Văn bản yêu cầu triệu tập họp phải nêu rõ lý do và mục đích của cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p>	<p>Khoản 3, Khoản 4 Điều 47 Điều lệ</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Techcombank;</p> <p>b. <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</u></p> <p>c. Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Techcombank trở lên. Văn bản yêu cầu triệu tập họp phải nêu rõ lý do và mục đích của cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 140 LDN 2020, điểm b) Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều 60 Luật các TCTD.</p> <p>Trường hợp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Ngân hàng nhà nước được bổ sung trên cơ sở ý kiến của cơ quan thanh tra, phù hợp với Điều 60 Luật các TCTD.</p>

TT	<p>e. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu</p>	<p>32. Khoản 6, 7 Điều 47 Điều lệ</p> <p>6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đang ký kinh doanh sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, dự thảo</p>
<p>Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung</p>	<p>e. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều này.</p>	<p>Khoản 6, 7 Điều 47 Điều lệ</p> <p>6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này đã yêu cầu có quyền đại diện Techcombank triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đang ký kinh doanh sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, dự thảo</p>
Lý do	<p>Điều chỉnh theo khoản 4, điểm d) Khoản 5 Điều 140 Luật DN 2020</p>	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><i>chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.</i></p>	<p><i>ngghi quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.</i></p>	
33.	<p>Khoản 9, 10 Điều 47 Điều lệ</p> <p><i>9. Trường hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 4, 5 Điều này thì <u>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Techcombank.</u></i></p> <p><i>10. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</i></p>	<p>Khoản 9, 10, 11, 12 Điều 47 Điều lệ</p> <p><i>9. Trường hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 4, 5 Điều này thì <u>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Techcombank.</u></i></p> <p><i>10. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông <u>được xác định là nơi chủ toạ dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u></i></p> <p><i>11. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</i></p>	<p>Bổ sung, điều chỉnh theo Khoản 3 Điều 140 Luật DN 2020, Khoản 1 Điều 14 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
		<p><u>12. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Techcombank có các khoản ngoại trừ trong yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Techcombank phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Techcombank dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Techcombank.</u></p>	
34.	<p>Khoản 1 Điều 48 Điều lệ</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp:</p> <p>a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Techcombank. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn hai mươi (20) ngày trước ngày</u> gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Techcombank công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ <u>thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân,</u></p>	<p>Khoản 1 Điều 48 Điều lệ</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp:</p> <p>a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Techcombank. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá 10 ngày trước ngày</u> gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Techcombank công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ <u>liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh</u></p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 141 Luật DN 2020</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><u>Hồ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</u></p> <p>c. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><u>nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</u></p> <p>c. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
35.	<p>Điểm b, điểm c Khoản 2 Điều 48 Điều lệ</p> <p>b. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Techcombank trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Techcombank chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</u></p> <p>c. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều</u></p>	<p>Điểm b, điểm c Khoản 2 Điều 48 Điều lệ</p> <p>b. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Techcombank trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Techcombank chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</u></p> <p>c. <u>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải</u></p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 115, Khoản 2, Khoản 3 Điều 142 Luật DN 2020.</p> <p>Luật DN 2020 không yêu cầu trong kiến nghị của cổ đông phải nêu số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><u>này nếu có một trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>(i) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>(ii) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(iii) Kiến nghị của cổ đông không vì lợi ích chung của Techcombank.</p>	<p><u>trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>(i) Kiến nghị được gửi đến <u>không đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;</u></p> <p>(ii) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(iii) Kiến nghị của cổ đông không vì lợi ích chung của Techcombank.</p>	
36.	<p>Khoản 3 Điều 48 Điều lệ</p> <p>3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc, cụ thể như sau:</u></p> <p>(i) Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Techcombank; <u>tên, địa chỉ thường trú/địa chỉ trụ sở chính của cổ đông, hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp;</u></p> <p>(ii) Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông mà</p>	<p>Khoản 3 Điều 48 Điều lệ</p> <p>3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc, cụ thể như sau:</u></p> <p>(i) Thông báo <u>mời họp</u> phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Techcombank; <u>tên, địa chỉ trụ sở chính, số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông là tổ chức; tên, địa chỉ liên lạc đối với cổ đông là cá nhân; hoặc thông tin người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp;</u></p> <p>(ii) Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm</p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 2 Điều 115, Khoản 1, 2, 3 Điều 141, khoản 2, 3 Điều 142, khoản 1 Điều 143 Luật DN 2020, Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><u>cổ đông đăng ký trước với Techcombank;</u></p> <p><u>Các tài liệu liên quan đến thông báo nêu trên được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Techcombank để cổ đông sử dụng phục vụ cuộc họp. Techcombank sẽ gửi tài liệu họp cho cổ đông khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của cổ đông.</u></p> <p><u>b. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Techcombank có các khoản ngoại trừ trong yếu</u></p>	<p><u>đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông mà cổ đông đăng ký trước với Techcombank và đăng trên trang thông tin điện tử của Techcombank;</u></p> <p><u>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Techcombank. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <u>(i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</u> <u>(ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</u> <u>(iii) Phiếu biểu quyết;</u> <u>(iv) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</u> <p><u>b. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến các đối tượng cần thiết theo quy định tại Khoản 11 và Khoản 12 Điều 47 của Điều lệ.</u></p>	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
37.	<p>Điều 49 Điều lệ</p> <p>1. <u>Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>2. <u>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Techcombank và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</u></p> <p>a. <u>Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</u></p> <p>b. <u>Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</u></p> <p>c. <u>Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</u></p>	<p>Điều 49 Điều lệ</p> <p>1. <u>Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều 42 Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>2. <u>Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</u></p> <p><u>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Techcombank).</u></p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 144 Luật DN 2020, Khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>3. <i>Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</i></p> <p>4. <i>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</i></p> <p>5. <i>Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</i></p> <p>6. <i>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</i></p> <p>7. <i>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</i></p>	<p>3. <i>Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</i></p> <p>a. <i>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</i></p> <p>b. <i>Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</i></p> <p>c. <i>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</i></p> <p>d. <i>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</i></p>	
38.	<p>Khoản 2 Điều 50 Điều lệ</p> <p><i>2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp, không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người</i></p>	<p>Khoản 2 Điều 50 Điều lệ</p> <p><i>2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong</i></p>	<p>Điều chỉnh theo Điều 19 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><u>được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.</u></p>	<p><u>thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</u></p>	
39.	<p>Khoản 3 Điều 50 Điều lệ <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ toạ họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền sẽ chủ toạ họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không uỷ quyền cho bất kỳ thành viên nào, thì sau khi có đủ số cổ đông và người được uỷ quyền đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định dự họp, các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát có mặt dự họp tại Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm tổ chức để Đại hội đồng cổ</u></p>	<p>Khoản 3 Điều 50 Điều lệ <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền sẽ chủ toạ họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không uỷ quyền cho bất kỳ thành viên nào hoặc tạm thời mất khả năng làm việc, thì sau khi có đủ số cổ đông và người được uỷ quyền đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định dự họp, các thành viên</u></p>	<p>Điều chỉnh theo điểm a khoản 2 Điều 146 Luật DN 2020, khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><u>đồng tiến hành biểu quyết nhằm bầu một người làm chủ toạ họp Đại hội đồng cổ đông trong số các cổ đông dự họp. Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu sẽ đề cử thư ký để lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p><u>Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu sẽ đề cử thư ký để lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	
40.	<p>Khoản 5 Điều 50 Điều lệ</p> <p>5. Chủ tọa họp Đại hội đồng Cổ đông và thư ký chịu trách nhiệm bảo quản các biên bản và chuẩn bị gửi cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội Cổ đông kết thúc, và các biên bản này được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc được tiến hành tại Đại hội đó. Biên bản này phải được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa của Đại hội và thư ký ký tên chủ yếu gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b.....</p> <p>.....</p> <p>i. Họ tên và chữ ký của Chủ tọa và thư ký.</p>	<p>Khoản 5 Điều 50 Điều lệ</p> <p>5. Chủ tọa họp Đại hội đồng Cổ đông và thư ký chịu trách nhiệm bảo quản các biên bản và chuẩn bị gửi cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội Cổ đông kết thúc, và các biên bản này được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc được tiến hành tại Đại hội đó. Biên bản này phải được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa của Đại hội và thư ký ký tên chủ yếu gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b.....</p> <p>.....</p> <p>i. Họ tên và chữ ký của Chủ tọa và thư ký.</p> <p><u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành</u></p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 150 Luật DN 2020</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
		<u>viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u>	
41.	<p>Khoản 8, Khoản 10 Điều 50 Điều lệ</p> <p>8. Khi tiến hành đăng ký, Techcombank sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, tên của cổ đông và người đại diện ủy quyền và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có. <u>Biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ tán thành một quyết định và sau đó thu số thẻ phủ quyết quyết định đó, và sau đó đếm tổng số phiếu biểu quyết. Tổng số phiếu ủng hộ một vấn đề, phủ quyết một vấn đề, hoặc không biểu quyết, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi biểu quyết một quyết định.</u></p> <p>.....</p> <p>10. Các cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muợn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội đó để cho những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.</p>	<p>Khoản 8, Khoản 10 Điều 50 Điều lệ</p> <p>8. Khi tiến hành đăng ký, Techcombank sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, tên của cổ đông và người đại diện ủy quyền và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có. <u>Biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tổng số phiếu ủng hộ một vấn đề, phủ quyết một vấn đề, hoặc không biểu quyết, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi biểu quyết một quyết định.</u></p> <p>.....</p> <p>10. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến Đại hội đồng cổ đông muợn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội đó để cho những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.</p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 5 Điều 146 Luật DN 2020, Khoản 6 Điều 20 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
42.	Khoản 4 Điều 51 Điều lệ	Khoản 4 Điều 51 Điều lệ	Điều chỉnh theo Khoản 2

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>4. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. <u>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</u></p>	<p>4. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết <u>và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.</u></p>	<p>Điều 22 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
43.	<p>Khoản 1 Điều 52 Điều lệ</p> <p>1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. <u>Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 53 của Điều lệ này;</u></p> <p>b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	<p>Khoản 1 Điều 52 Điều lệ</p> <p>1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được <u>nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông</u> theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ <u>nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết</u> Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. <u>Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 53 của Điều lệ này;</u></p> <p>b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	<p>Điều chỉnh theo Điều 151 Luật DN 2020, Điều 24 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
44.	<p>Khoản 2, Khoản 3 Điều 53 Điều lệ</p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được</p>	<p>Khoản 2, Khoản 3 Điều 53 Điều lệ</p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được</p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 152 Luật</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><i>thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</i></p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 52 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p><i>thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</i></p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 52 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	DN 2020
45.	<p>Khoản 10 Điều 54 Điều lệ</p> <p><i>10. Trường hợp có thay đổi thông tin về họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của bất kỳ thành viên nào trong Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát và Tổng giám đốc, Techcombank phải thực hiện báo cáo thay đổi thông tin với cơ quan đăng ký kinh doanh nơi có trụ sở chính trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có thông tin thay đổi.</i></p>	Bãi bỏ nội dung này.	Luật DN 2020 đã bỏ yêu cầu về việc báo cáo thay đổi thông tin theo quy định tại khoản này.

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
46.	<p>Khoản 11 Điều 54 Điều lệ</p> <p>11. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Trường hợp đã xác định được trước <u>ứng viên</u>, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và <u>công bố tối thiểu mười lăm (15) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Techcombank để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và <u>hợp lý</u> của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị <u>được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> (i) <u>Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</u> (ii) <u>Trình độ học vấn;</u> (iii) <u>Trình độ chuyên môn;</u> (iv) <u>Quá trình công tác;</u> (v) <u>Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức</u> 	<p>Khoản 10 Điều 54 Điều lệ</p> <p>10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Trường hợp đã xác định được trước <u>ứng cử viên Hội đồng quản trị</u>, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được <u>công bố tối thiểu mười (10) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Techcombank để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, <u>cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Techcombank nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị</u>. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị <u>được công bố bao gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> (i) <u>Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</u> (ii) <u>Trình độ chuyên môn;</u> (iii) <u>Quá trình công tác;</u> (iv) <u>Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị tại công ty khác);</u> (v) <u>Lợi ích có liên quan tới Techcombank và các bên có liên quan của Techcombank;</u> 	<p>Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Khoản 5 Điều 115 Luật DN 2020, Khoản 3 Điều 12, Khoản 1, 3 Điều 25 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><u>danh quản lý khác:</u></p> <p>(vi) <u>Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Techcombank, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Techcombank;</u></p> <p>(vii) <u>Các lợi ích có liên quan tới Techcombank (nếu có);</u></p> <p>(viii) <u>Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</u></p> <p>(ix) <u>Các thông tin khác (nếu có).</u></p> <p>b. <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử</u></p>	<p>(vi) <u>Các thông tin khác (nếu có).</u></p> <p><u>Techcombank phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</u></p> <p>b. <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. <u>Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.</u></u></p> <p>c. <u>Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần</u></p>	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>c. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết và/hoặc xét thấy ứng viên không đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện, <u>Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên nếu xét thấy đáp ứng các tiêu chí, điều kiện tại Điều lệ và nội dung thông báo ứng cử, đề cử đã gửi cho cổ đông trước đó. Hội đồng quản trị thông qua quyết định đề cử ứng viên dưới hình thức biểu quyết, lấy ý kiến khi đa số thành viên Hội đồng quản trị đồng ý, chấp thuận.</u></p>	<p>thiết và/hoặc xét thấy ứng viên không đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện, <u>Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u></p>	
47.	<p>Khoản 1 và Khoản 2 Điều 55 Điều lệ</p> <p>1. Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:</p> <p>.....</p> <p>đ. <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (nếu có), Kế toán trưởng, các chức danh trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị (Cố vấn Hội đồng quản trị, Thư ký Hội đồng quản trị, lãnh đạo Văn phòng Hội đồng quản trị và/hoặc Ban Trợ lý Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị...), Giám đốc chi nhánh, công ty con, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của</u></p>	<p>Khoản 1 và Khoản 2 Điều 55 Điều lệ</p> <p>1. Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:</p> <p>.....</p> <p>đ. <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (nếu có), Kế toán trưởng, các chức danh trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị (Cố vấn Hội đồng quản trị, Thư ký Hội đồng quản trị, lãnh đạo Văn phòng Hội đồng quản trị và/hoặc Ban Trợ lý Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị...), Giám đốc chi nhánh, công ty con, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của</u></p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 2 và Khoản 4 Điều 153 Luật DN 2020, điểm a khoản 2 Điều 13, điểm b khoản 1 Điều 28 Nghị định 153/2020/NĐ-CP, điểm a, Khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán 2019.</p> <p><u>Điểm bb Khoản 1 Điều 55 của Điều lệ được bổ sung trên cơ sở đề nghị của Ban Kiểm soát. Về điểm này, Bộ phân Cố</u></p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><u>Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>Kỳ luật, đình chỉ đối với các chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.</u></p> <p>.....</p> <p>q. <u>Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại do Techcombank phát hành;</u></p> <p>r. <u>Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Techcombank;</u></p> <p>.....</p> <p>z. <u>Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của Techcombank lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>aa. <u>Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>2. <u>Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ</u></p>	<p><u>Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>Kỳ luật, đình chỉ đối với các chức danh nêu trên và cán bộ khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.</u></p> <p>.....</p> <p>q. <u>Quyết định chào bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại do Techcombank phát hành;</u></p> <p>r. <u>Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của Techcombank;</u></p> <p>.....</p> <p>z. <u>Trình báo cáo tài chính hàng năm của Techcombank lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>aa. <u>Quyết định phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi và không kèm chứng quyền;</u></p> <p>bb. <u>Quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập (trong danh sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và trên cơ sở ý kiến đồng thuận của Ban kiểm soát), thực hiện kiểm toán Techcombank;</u></p> <p>cc. <u>Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định</u></p>	<p><u>vấn pháp lý vẫn giữ ý kiến về việc: Quyết định của Hội đồng quản trị về việc lựa chọn công ty kiểm toán nên được thực hiện trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông căn cứ theo Khoản 2, Điều 7 của Thông tư 39/2011/TT-BTC.</u></p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>đồng mà gây thiệt hại cho Techcombank thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Techcombank; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.</p>	<p>của Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trong trường hợp <u>ngợi quyết</u>, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông mà gây thiệt hại cho Techcombank thì các thành viên chấp thuận thông qua <u>ngợi quyết</u>, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về <u>ngợi quyết</u>, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Techcombank; thành viên phản đối thông qua <u>ngợi quyết</u>, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.</p>	
48.	<p>Điểm b, Khoản 2, Điều 56 Điều lệ</p> <p>2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>.....</p> <p>b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; <u>triều tập và chủ toạ</u> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điểm b, Khoản 2, Điều 56 Điều lệ</p> <p>2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>.....</p> <p>b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; <u>triều tập, chủ trì và làm chủ toạ</u> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều chỉnh theo Điểm b) Khoản 3, Điều 156 Luật DN 2020</p>
49.	<p>Điều 57 Điều lệ</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị có nhiệm vụ quyền hạn sau:</p> <p>.....</p> <p>10. Báo cáo, công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Techcombank theo quy định của</p>	<p>Điều 57 Điều lệ</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị có nhiệm vụ quyền hạn sau:</p> <p>.....</p> <p>10. Báo cáo, công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Techcombank theo quy định của pháp</p>	<p>Bổ sung phù hợp với điểm d Khoản 2 Điều 277, Khoản 3 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<i>pháp luật.</i>	<p><i>luật.</i></p> <p><u>11. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Techcombank, công ty con, công ty do Techcombank nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Techcombank với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</u></p> <p><u>12. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Techcombank phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị;</u></p>	
50.	<p>Khoản 2, 3 Điều 58 Điều lệ</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Điều lệ này;</p> <p>c. Tham dự và <u>biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</u></p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử.</p>	<p>Khoản 2, 3 Điều 58 Điều lệ</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp <u>và biểu quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Điều lệ này;</u></p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, <u>bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u></p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư,</p>	<p>Điều chỉnh theo điểm b, điểm c, khoản 9, Khoản 10 Điều 157 Luật DN 2020, Khoản 1, Khoản 9 Điều 30 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><i>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</i></p> <p><i>3. Quy định về cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị:</i></p> <p><i>Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</i></p>	<p><i>fax, thư điện tử.</i></p> <p><i>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</i></p> <p><i>3. Quy định về cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị:</i></p> <p><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</i></p>	
51.	<p>Điểm a Khoản 4 Điều 58 Điều lệ</p> <p><i>4. Quy định về cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị</i></p> <p><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị họp bất thường khi xét</i></p>	<p>Điểm a Khoản 4 Điều 58 Điều lệ</p> <p><i>4. Quy định về cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị</i></p> <p><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi xét thấy cần thiết hoặc có một</i></p>	<p>Điều chỉnh theo điểm a Khoản 3 Điều 157 Luật DN 2020</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>thấy cần thiết hoặc có một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;</p>	<p>trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát <u>hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị</u>;</p>	
52.	<p>Khoản 1, 2 Điều 60 Điều lệ</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp <u>chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp</u>. Thông báo mời họp được xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp có tài liệu, văn bản sử dụng tại cuộc họp.</p> <p>2. Thông báo mời họp <u>được gửi bằng bưu điện, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Techcombank</u>.</p>	<p>Khoản 1, 2 Điều 60 Điều lệ</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp <u>chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp</u>. Thông báo mời họp được xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp có tài liệu, văn bản sử dụng tại cuộc họp.</p> <p>2. Thông báo mời họp <u>Hội đồng quản trị có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Techcombank</u>.</p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 6 Điều 157 Luật DN 2020, Khoản 6 Điều 30 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
53.	<p>Khoản 1 Điều 61 Điều lệ</p> <p>1. <u>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>, nơi đăng ký kinh doanh;</p>	<p>Khoản 1 Điều 61 Điều lệ</p> <p>1. <u>Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>, nơi đăng ký</p>	<p>Điều chỉnh theo điểm h, điểm i Khoản 1 Điều 158 Luật DN 2020, Điều 17 mẫu Quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>c. Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.</p>	<p>kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>c. Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h. Các quyết định đã được thông qua và <u>tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p>i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp <u>và người ghi biên bản.</u></p>	
54.	<p>Khoản 3 Điều 61 Điều lệ</p> <p>Chủ tọa, thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chậm nhất sau bảy (07) ngày kể từ ngày họp Hội đồng quản trị, Ban Trợ lý Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp cho tất cả các thành viên tham dự.</p>	<p>Khoản 3 Điều 61 Điều lệ</p> <p><u>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</u></p> <p><u>Chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên Hội</u></p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 158 Luật DN 2020</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
		<p><i>đồng quản trị ký tên trong Biên bản họp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chậm nhất sau bảy (07) ngày kể từ ngày họp Hội đồng quản trị, Ban Trợ lý Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp cho tất cả các thành viên tham dự.</i></p>	
55.	<p>Khoản 6 Điều 64 Điều lệ</p> <p>6. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố <u>tối thiểu mười lăm (15) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Techcombank để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm Soát được công bố bao gồm <u>các nội dung tối thiểu sau đây</u>:</p> <p>(i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p>	<p>Khoản 6 Điều 64 Điều lệ</p> <p>6. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được công bố <u>tối thiểu mười (10) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Techcombank để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, <u>cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Techcombank</u> nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm Soát được công bố bao gồm:</p> <p>(i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>(ii) Trình độ chuyên môn;</p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 274, Khoản 1 Điều 285 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, và Khoản 5 Điều 115 Luật DN 2020, Khoản 3 Điều 12, Điều 36 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>(ii) <u>Trình độ học vấn;</u></p> <p>(iii) <u>Trình độ chuyên môn;</u></p> <p>(iv) <u>Quá trình công tác;</u></p> <p>(v) <u>Các doanh nghiệp mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm Soát và các chức danh quản lý khác;</u></p> <p>(vi) <u>Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Techcombank, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Ban Kiểm Soát của Techcombank;</u></p> <p>(vii) <u>Các lợi ích có liên quan tới Techcombank (nếu có);</u></p> <p>(viii) <u>Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</u></p> <p>(ix) <u>Các thông tin khác (nếu có).</u></p> <p>b. <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40%</u></p>	<p>(iii) <u>Quá trình công tác;</u></p> <p>(iv) <u>Các chức danh quản lý khác và chức danh thành viên Ban Kiểm Soát tại công ty khác;</u></p> <p>(v) <u>Các lợi ích có liên quan tới Techcombank và các bên có liên quan của Techcombank (nếu có);</u></p> <p>(vi) <u>Các thông tin khác (nếu có).</u></p> <p><u>Techcombank phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm Soát, các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban Kiểm Soát (nếu có).</u></p> <p>b. <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07)</u></p>	

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>c. Trường hợp số lượng ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết và/hoặc xét thấy ứng viên không đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên nếu xét thấy đáp ứng các tiêu chí, điều kiện tại Điều lệ và nội dung thông báo ứng cử, đề cử đã gửi cho cổ đông trước đó. Ban Kiểm Soát thông qua quyết định đề cử ứng viên dưới hình thức biểu quyết, lấy ý kiến khi đa số thành viên Ban Kiểm Soát đồng ý, chấp thuận.</p>	<p>ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. <u>Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm Soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>c. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết và/hoặc xét thấy ứng viên không đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện, <u>Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</u></p>	
56.	<p>Điều 65 Điều lệ</p> <p>Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:</p> <p>1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Techcombank trong quản trị, điều hành Techcombank; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p>	<p>Điều 65 Điều lệ</p> <p>Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:</p> <p>1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Techcombank trong quản trị, điều hành Techcombank; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 170 Luật DN 2020, khoản 1 Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>.....</p> <p>10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ và bộ phận tư vấn, tham mưu, giúp việc cho Ban kiểm soát;</p>	<p>.....</p> <p>10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ và bộ phận tư vấn, tham mưu, giúp việc cho Ban kiểm soát;</p> <p><u>11. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán đối với Techcombank.</u></p>	
57.	<p>Khoản 1 Điều 77 Điều lệ</p> <p>1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Techcombank phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để kiểm toán các báo cáo tài chính của mình theo quy định. <u>Việc chọn tổ chức kiểm toán độc lập được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</u></p>	<p>Khoản 1 Điều 77 Điều lệ</p> <p>1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Techcombank phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để kiểm toán các báo cáo tài chính của mình theo quy định.</p>	<p>Điều chỉnh trên cơ sở đề nghị của Ban Kiểm soát. Việc chọn tổ chức kiểm toán độc lập của Techcombank không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đấu thầu.</p>
58.	<p>Khoản 3, 4, 5, 6 Điều 80 Điều lệ</p> <p>3. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại</p>	<p>Khoản 3, 4, 5, 6 Điều 80 Điều lệ</p> <p>3. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại</p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 2, Khoản 3, Khoản 6 Điều 135 Luật DN 2020, Khoản 4 Điều 51 Điều lệ</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p><i>của Techcombank. Techcombank chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:</i></p> <p><i>a. Techcombank đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>b. Đã trích lập các quỹ Techcombank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</i></p> <p><i>c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, techcombank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.</i></p> <p><i>4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Techcombank hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi cổ đông đăng ký và cung cấp thông tin tài khoản với Techcombank. Trường hợp Techcombank đã chuyển khoản theo đúng các thông tin tài khoản mà cổ đông cung cấp thì Techcombank không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.</i></p>	<p><i>của Techcombank. Techcombank chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:</i></p> <p><i>a. Techcombank đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>b. Đã trích lập các quỹ Techcombank và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</i></p> <p><i>c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Techcombank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.</i></p> <p><i>4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Techcombank hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi cổ đông đăng ký và cung cấp thông tin tài khoản với Techcombank. Trường hợp Techcombank đã chuyển khoản theo đúng các thông tin tài khoản mà cổ đông cung cấp thì Techcombank không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.</i></p> <p><i>5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần,</i></p>	<p>mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Techcombank không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định của pháp luật về chào bán cổ phần. Techcombank phải đăng ký/chấp thuận tăng vốn điều lệ tương ứng với <u>tổng mệnh giá các cổ phần</u> dùng để chi trả cổ tức theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Trường hợp cổ phiếu Techcombank được niêm yết tại Sở/Trung tâm giao dịch chứng khoán, việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần đã niêm yết có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán, <u>Trung tâm lưu ký chứng khoán</u>.</p>	<p>Techcombank không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định của pháp luật về chào bán cổ phần. Techcombank phải đăng ký/chấp thuận tăng vốn điều lệ tương ứng với <u>tổng mệnh giá các cổ phần</u> dùng để chi trả cổ tức theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Trường hợp cổ phiếu Techcombank được niêm yết tại Sở/Trung tâm giao dịch chứng khoán, việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần đã niêm yết có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán, <u>Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</u>.</p>	
59.	<p>Khoản 2 Điều 81</p> <p>2. Techcombank được trao đổi thông tin <u>với các tổ chức tín dụng khác</u> về hoạt động ngân hàng và khách hàng.</p>	<p>Khoản 2 Điều 81</p> <p>2. Techcombank được trao đổi thông tin về hoạt động ngân hàng và khách hàng <u>theo quy định pháp luật</u>.</p>	<p>Điều chỉnh để quy định nguyên tắc chung cho việc trao đổi thông tin, phù hợp với Khoản 3 Điều 13 Luật các TCTD, Khoản 1 Điều 11 Nghị định 117/2018/NĐ-CP.</p>
60.	<p>Khoản 1 Điều 83 Điều lệ</p> <p>1. Techcombank phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại Trụ sở chính của Techcombank:</p> <p>a. Điều lệ Techcombank, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ;</p>	<p>Khoản 1 Điều 83 Điều lệ</p> <p>1. Techcombank phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại Trụ sở chính của Techcombank:</p> <p>a. Điều lệ Techcombank, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ;</p>	<p>Điều chỉnh theo Khoản 1, Điều 11 Luật DN 2020</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<p>b. Quy chế quản lý nội bộ của Techcombank; Sổ đăng ký cổ đông;</p> <p>c. Giấy phép hoạt động; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; các giấy phép và giấy chứng nhận khác (nếu có);</p> <p>d. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Techcombank;</p> <p>e. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của Techcombank;</p> <p>f. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có);</p> <p>g. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;</p> <p>h. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>i. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>b. Quy chế quản lý nội bộ của Techcombank; Sổ đăng ký cổ đông;</p> <p>c. Giấy phép hoạt động; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; các giấy phép và giấy chứng nhận khác (nếu có);</p> <p>d. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Techcombank;</p> <p>e. Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của Techcombank;</p> <p>f. Bản cáo bạch để chào bán hoặc niêm yết chứng khoán (nếu có);</p> <p>g. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;</p> <p>h. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>i. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.</p>	
61.	<p>Khoản 3 Điều 84 Điều lệ</p> <p>3. Trường hợp không thể hòa giải được trong <u>vòng mười (10) tuần</u> kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, các bên có quyền đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Bên phải chịu án phí do Tòa án quyết</p>	<p>Khoản 3 Điều 84 Điều lệ</p> <p>3. Trường hợp không thể hòa giải được trong <u>vòng sáu (06) tuần</u> kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, các bên có quyền đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Bên phải chịu án phí do Tòa án quyết định</p>	<p>Điều chỉnh theo khoản 2 Điều 62 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

TT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi/ bổ sung	Lý do
	<i>định phù hợp với quy định của pháp luật.</i>	<i>phù hợp với quy định của pháp luật.</i>	
62.	<p>Điểm c, Khoản 1 Điều 86 Điều lệ</p> <p><i>1. Techcombank bị giải thể trong các trường hợp sau:</i></p> <p>....</p> <p><i>c. Techcombank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.</i></p>	<p>Điểm c, Khoản 1 Điều 86 Điều lệ</p> <p><i>1. Techcombank bị giải thể trong các trường hợp sau:</i></p> <p>....</p> <p><i>c. Techcombank bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác.</i></p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại điểm d) khoản 1 Điều 207 Luật DN 2020. Quy định này nhằm bảo đảm tính đồng bộ với quy định tại Điểm g khoản 1 và khoản 2 Điều 125 của Luật Quản Lý thuế 2019.</p>

Căn cứ theo khoản 1, 3, 4 của Điều 25 Luật DN 2020, Danh sách cổ đông sáng lập đính kèm theo Điều lệ của Techcombank được xem xét bổ sung các trường thông tin sau (nếu chưa có):

- Địa chỉ liên lạc của cổ đông sáng lập, và
- Địa chỉ liên lạc của Người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập là tổ chức, và
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần, thời hạn góp vốn của cổ đông sáng lập.